

Bản án số 911/2018/KDTM-PT

Ngày 09/10/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dũng

Các thẩm phán:

Bà Bùi Ngọc Anh

Bà Nguyễn Thị Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Phượng - Thư ký của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Phùng Thị Lan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2018/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2018/KDTM-ST ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3570/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 7035/2018/QĐ-PT ngày 12/9/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SG CT

Địa chỉ: 2C PĐC, P. NTB, Quận 1, TP H

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà PTBD, trú tại 159 NK, Phường 7, Quận 10, TP H (Giấy ủy quyền 90A/GUQ-2018 ngày 20/8/2018) (có mặt)

Bị đơn: Bà HTTH, sinh năm 1973

Trú tại: 67 AC, Phường 10, quận TB, TP H (vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Phượng V, sinh năm 1944 (vắng mặt)

Địa chỉ: 218E NTMK, Phường 6, Quận 3, TP H

2. Bà Lê Thị Loan Ph, sinh năm 1959 (có mặt)

3. Ông Trần Nguyên D, sinh năm 1957 (có mặt)

4. Ông Trần Hoài V, sinh năm 1982 (xin vắng mặt)

5. Ông Trần Hoài V, sinh năm 1982 (xin vắng mặt)

6. Bà Trần Thị Loan P, sinh năm 1984 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 29/32/15 ĐTD, Phường 1, quận PN, Thành phố H

7. Công ty Cổ phần PXD(vắng mặt)

Địa chỉ: 2977/8/1 Quốc lộ 1A, khu biệt thự HG, Khu phố 5, phường TTN, Quận 12, Thành phố H

8. Ông Huỳnh Thanh S, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: 67 AC, Phường 10, quận TB, TP H

Người kháng cáo: Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Loan P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 31/7/2012 và Bản tự khai ngày 13/11/2012, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP SG CT (gọi tắt là Ngân hàng S) có người đại diện theo ủy quyền là bà PTBD trình bày là Ngân hàng S cho bà HTTH vay 4.300.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 14/2012/HĐTDTL-CN ngày 10/02/2012 với lãi suất vay 21,5%/năm. Lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần theo thông báo mức lãi suất cho vay ngắn hạn đang có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh. Mục đích vay là để góp vốn vào Công ty Cổ phần Phụ tùng Xe máy D.N.N (gọi tắt là Công ty D.N.N). Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, bà H thế chấp cho Ngân hàng S một Căn nhà số 29/32/15 ĐTD (số cũ 379/6A PDL), Phường 1, quận PN, Thành phố H theo Hợp đồng thế chấp số 20/HĐTC-2012 ngày 10/02/2012 có Phòng Công chứng số 7 Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận. Hồ sơ thế chấp gồm có: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 26743/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/11/2001 cho ông Trần Xuân Nh và bà Trần Thị N, Giấy đăng ký thay đổi về chủ ngày 02/7/2002, Quyết định về việc đổi số nhà số 39/QĐ-UBND ngày 21/5/2007, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà số 20726/HĐ-MBN ngày 20/6/2002, Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 27/6/2002 và Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất ngày 31/3/2009.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng S đã giải ngân cho bà H số tiền 4.000.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 01 với lãi suất trong hạn 21,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Kể từ ngày 31/3/2012, bà H liên tục để nợ quá hạn, không thực hiện đúng cam kết trả nợ cho Ngân hàng S. Tính đến 30/5/2018, bà H còn nợ Ngân hàng S gốc và lãi là 10.149.777.778 đồng, trong đó nợ gốc 4.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 689.944.445 đồng và lãi quá hạn là 5.459.833.333 đồng. Ngân hàng S yêu cầu bà H trả số nợ nêu trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 31/5/2018 cho đến khi bà thanh toán xong số nợ gốc. Trường hợp khi đến hạn thanh toán mà bà H không trả số nợ nêu trên thì Ngân hàng S được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ.

Tại Bản tự khai ngày 27/11/2012, bị đơn là bà HTHT trình bày là bà xác nhận vào ngày 10/02/2012 bà có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng S với số tiền vay 4.300.000.000 đồng, lãi suất 21,5%, thời hạn vay 12 tháng. Để bảo đảm khoản vay trên thì vào ngày 10/02/2012, bà cùng với bà Lê Thị Loan Ph, ông Trần Nguyên D và Ngân hàng S ký Hợp đồng thế chấp số 20/HĐTC-2012 để thế chấp Căn nhà số 29/32/15 ĐTD, Phường 1, quận PN (căn nhà thuộc sở hữu của ông Trần Nguyên D và bà Lê Thị Loan P). Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng chuyển số tiền vay 4.000.000.000 đồng cho Công ty D.N.N. Quá trình thực hiện hợp đồng tín

dụng, bà và Công ty D.N.N chưa trả vốn và lãi cho Ngân hàng S. Nay, bà không có trách nhiệm trả số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng S mà trách nhiệm trả nợ là của Công ty D.N.N vì bà chỉ là người đứng tên vay tiền giùm cho Công ty D.N.N.

Tại Bản tự khai ngày 25/12/2012, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà LTPV trình bày là để đảm bảo cho khoản vay 4.000.000.000 đồng của bà H thì bà có ký Hợp đồng thế chấp số 20/HĐTC-2012 ngày 10/02/2012 để thế chấp Căn nhà số 29/32/15 ĐTD, Phường 1, quận PN cho Ngân hàng S. Bà không đồng ý phát mãi căn nhà trên để giải quyết vụ án này.

Tại Bản tự khai ngày 04/12/2012, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà LTLP trình bày là bà có ký Hợp đồng thế chấp số 20/HĐTC - 2012 ngày 10/02/2012 với nội dung là thế chấp Căn nhà số 29/32/15 ĐTD, Phường 1, quận PN cho Ngân hàng S để bảo đảm cho khoản vay 4.000.000.000 đồng của bà H. Từ khi thế chấp nhà cho đến nay, gia đình bà không có sửa chữa. Qua yêu cầu của Ngân hàng S, bà không đồng ý phát mãi căn nhà trên.

Tại Bản tự khai ngày 04/12/2012, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông TND trình bày: ông là chồng của bà LTLP và ông xác nhận là có ký Hợp đồng thế chấp số 20/HĐTC-2012 ngày 10/02/2012 với nội dung là thế chấp Căn nhà số 29/32/15 ĐTD, Phường 1, quận PN cho Ngân hàng S để bảo đảm cho khoản vay 4.000.000.000 đồng của bà H. Từ khi thế chấp nhà cho đến nay, gia đình ông không có sửa chữa. Hiện trong nhà có vợ chồng ông và các con là Trần Hoài V, Trần Hoài V và Trần Thị Loan P đang ở. Qua yêu cầu của Ngân hàng S, ông không đồng ý phát mãi căn nhà trên.

Tại Bản tự khai ngày 29/4/2014 và bản tường trình, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Loan P trình bày: bà là con của ông TND và bà Lê Thị Loan P, bà ở trong Căn nhà số 29/32/15 ĐTD, Phường 1, quận PN từ năm 2012 cho đến nay, bà không có sửa chữa.

Tại Bản giải trình ngày 12/11/2013 và Bản tự khai ngày 06/01/2014, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty D.N.N trình bày là bà HTHT là nhân viên của Công ty D.N.N có ký Hợp đồng tín dụng số 14/2012/HĐTDTL - CN ngày 10/02/2012 để vay số tiền 4.300.000.000 đồng, Ngân hàng S giải ngân thực tế là 4.000.000.000 đồng, mục đích vay là để góp vốn vào Công ty D.N.N. Tuy nhiên, bà H chỉ là người được Công ty D.N.N nhờ đứng tên thay trong Hợp đồng tín dụng nêu trên, nên Công ty D.N.N chịu trách nhiệm thanh toán nợ cho ngân hàng.

Tại Bản tự khai ngày 06/3/2014, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Thanh S có ông Tăng Tân D đại diện theo ủy quyền trình bày là ông S là chồng của bà HTTH. Bà H chỉ là người đứng tên vay tiền giùm cho Công ty D.N.N nên ông S không có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S.

Trong quá trình thu thập chứng cứ ông Trần Hoài Vg và ông Trần Hoài V đều vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà Phạm Thị Bích D đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên.

Ông Trần Nguyên D, bà LTLP vẫn giữ nguyên ý kiến như trên.

Bà LTPV có đơn xin xét xử vắng mặt.

Các ông bà HTTH, Trần Hoài V, Trần Hoài V, Trần Thị Loan P, Huỳnh Thanh S và Công ty D.N.N đều vắng mặt không lý do.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2018/KDTM-ST ngày 30/5/2018 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã quyết định:

1/- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà HTHT phải thanh toán cho Ngân hàng S nợ gốc và lãi 10.149.777.778 đồng, trong đó nợ gốc là 4.000.000.000 đồng và lãi 6.149.777.778 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/- Sau khi nhận đủ số tiền nói trên thì Ngân hàng S phải trả lại cho bà LTPV, ông TND và bà LTL Bản chính hồ sơ chủ quyền nhà số 29/32/15 ĐTD (số cũ 379/6A PDL), Phường 1, quận PN, Thành phố H gồm: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 26743/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/11/2001 cho ông TXN và bà TTN, Giấy đăng ký thay đổi ngày 02/7/2002, Quyết định đổi số nhà số 39/QĐ-UBND ngày 21/5/2007, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà số 20726/HĐ-MBN ngày 20/6/2002, Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 27/6/2002 và Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất ngày 31/3/2009.

3/- Nếu đến hạn thanh toán nợ mà bà HTHT không thanh toán số tiền nêu trên cho Ngân hàng S thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự phát mãi Căn nhà 29/32/15 ĐTD (số cũ: 379/6A PDL), Phường 1, quận PN, Thành phố H để trả nợ cho Ngân hàng S. Bà LTPV, ông TND, bà LTLP, ông Ông THVg, ông THV và bà TTLP phải giao Căn nhà thế chấp trên cho Chi cục Thi hành án dân sự khi xử lý tài sản thế chấp.

4/- Ngân hàng S được tiếp tục tính lãi quá hạn trên số nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 14/2012/HĐTDTL-CN ngày 10/02/2012 và Giấy nhận nợ số 01 ngày 10/02/2012, tính từ ngày 31/5/2018 cho đến khi bà HTHT trả hết số nợ.

Ngoài ra, Tòa sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo luật định.

Bà LTLP đã có Đơn kháng cáo đề ngày 06/6/2018 về việc bà P kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm do nội dung của bản án không hợp tình, hợp lý và đã gây thiệt hại cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà LTLP và đề nghị y án sơ thẩm do bà HTTH vi phạm Hợp đồng tín dụng số 14/2012/HĐTDTL-CN ngày 10/02/2012, Giấy nhận nợ số 01 ngày 10/02/2012 và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 14A/2012/HĐTD-SĐBSLS ngày 10/8/2012 mà các bên đã ký kết. Tính đến ngày 30/5/2018, bà HTHT phải thanh toán cho Ngân hàng S nợ gốc và lãi là 10.149.777.778 đồng. Nếu bà HTTH không thanh toán đủ số nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà LTLP vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cụ thể bà P cho rằng bị đơn bà HTTH có ký kết hợp đồng tín dụng nêu trên với Ngân hàng S nhưng bà H chỉ vay giùm cho Công ty D.N.N và

Công ty D.N.N cũng hứa sẽ thanh toán khoản nợ này, nên bà P đề nghị Công ty D.N.N và bà H có trách nhiệm thanh toán khoản nợ vay cho ngân hàng để ngân hàng giải chấp cho bà Căn nhà số 29/32/15 ĐTD (số cũ: 379/6A PDL), Phường 1, quận PN, Thành phố H. Bà P không đồng ý phát mãi căn nhà này. Bà P đề nghị Ngân hàng S cho bà trả nợ gốc 4.000.000.000 đồng và lãi trong hạn trong 1 năm là xong và giải chấp nhà cho bà.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông TND không có kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng cũng đề nghị Tòa án yêu cầu Công ty D.N.N và bà HTTH có trách nhiệm trả khoản nợ vay cho ngân hàng, ông D không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là Căn nhà 29/32/15 ĐTD (số cũ: 379/6A PDL), Phường 1, quận PN, Thành phố H.

Ý kiến phát biểu thêm của nguyên đơn là ghi nhận ý kiến nêu trên của bà LTLP nhưng bà phải thực hiện đúng thủ tục của ngân hàng để lãnh đạo ngân hàng xem xét quyết định, còn tại phiên tòa này nguyên đơn vẫn yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm y án sơ thẩm.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án, yêu cầu của người có quyền và nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án yêu cầu Công ty D.N.N và bà HTTH có trách nhiệm trả khoản nợ vay cho ngân hàng và không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là Căn nhà 29/32/15 ĐTD (số cũ: 379/6A PDL), Phường 1, quận PN, Thành phố H là không có cơ sở để được chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 mà không chấp nhận kháng cáo của bà LTLP, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về nội dung các kháng cáo với yêu cầu như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà LTLP gửi đến Tòa án còn trong thời hạn luật định.

[2] Về nội dung:

- Người kháng cáo bà LTLP cho rằng bà HTTH chỉ vay giùm cho Công ty D.N.N và Công ty D.N.N cũng hứa sẽ thanh toán khoản nợ này, nên bà P đề nghị Công ty D.N.N và bà H có trách nhiệm thanh toán khoản nợ vay cho ngân hàng để ngân hàng giải chấp cho bà Căn nhà số 29/32/15 ĐTD (số cũ: 379/6A PDL), Phường 1, quận PN, Thành phố H thì yêu cầu này không có cơ sở chấp nhận toàn bộ do Hợp đồng tín dụng số 14/2012/HĐTDTL-CN ngày 10/02/2012, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 14A/2012/HĐTD-SĐBSLS ngày 10/8/2012 không thể hiện Công ty D.N.N vay mà bà H vay và nhận nợ số tiền 4.000.000.000 đồng; mặt khác ngân hàng không thừa nhận việc bà H vay giùm Công ty D.N.N. Bà H có trách nhiệm thanh toán nợ cho ngân hàng.

- Việc bà LTLP và ông TND không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ thì yêu cầu này không có cơ sở để được chấp nhận do căn cứ Hợp đồng thế chấp số 20/HĐTC-2012 ngày 10/02/2012 có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm thì các ông bà LTLP, LTPV và TND đã đồng ý dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ vay (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và các chi phí khác) theo Hợp đồng tín dụng số 14/2012/HĐTDTL-CN ngày 10/02/2012 và các hợp đồng tín dụng khác phát sinh trong tương lai của bà HTTH với Ngân hàng S. Tài sản thế chấp nêu trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 29/32/15ĐTĐ, Phường 1, quận PN, Thành phố H. Do đó, bà H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ thì Ngân hàng S được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên là đúng với Điều 91 Điều 95 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh: Chấp nhận ý kiến của đại diện viện kiểm sát do ý kiến này phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà LTLP. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

- Về những nội dung khác trong bản án, không có kháng cáo và kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực thi hành.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: như bản án sơ thẩm.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên bà LTLP phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 286, Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự ,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 365 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án ,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà LTLP. Y án sơ thẩm, tuyên xử:

1/- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà HTHT có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP SG CT số nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 30/5/2018 là 10.149.777.778 (*Mười tỷ một trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi tám*) đồng, trong đó nợ gốc là 4.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 689.944.445 đồng và lãi quá hạn là 5.459.833.333 đồng; đồng thời kể từ ngày 31/5/2018, bà HTHT còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín

dụng nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP SG CT thì lãi suất mà bà HTHT phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP SG CT theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng TMCP SG CT.

Thời hạn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/- Ngay sau khi bà HTHT trả xong số tiền trên thì Ngân hàng TMCP SG CT trả lại cho bà LTPV, ông TND và bà LTLP bản chính hồ sơ chủ quyền nhà 29/32/15 ĐTD (số cũ: 379/6A PDL), Phường 1, quận PN, Thành phố Hgôm: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 26743/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/11/2001 cho ông TXN và bà TTN, Giấy đăng ký thay đổi ngày 02/7/2002, Quyết định đổi số nhà số 39/QĐ-UBND ngày 21/5/2007, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà số 20726/HĐ-MBN ngày 20/6/2002, Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 27/6/2002 và Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất ngày 31/3/2009.

3/- Nếu bà HTTH không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP SG CT được quyền thu hồi nợ thông qua việc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Căn nhà số 29/32/15 ĐTD (số cũ: 379/6A PDL), Phường 1, quận PN, Thành phố H.

4/- Án phí kinh doanh thương mại:

- Án phí sơ thẩm:

+ Bà HTTH phải chịu là 118.149.777 (*Một trăm mười tám triệu một trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm bảy mươi bảy*) đồng.

+ Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP SG CT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.148.911 đồng theo Biên lai thu số 00901 ngày 26/9/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí phúc thẩm:

+ Bà LTLP phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0008451 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình Thành phố Hồ Chí Minh;

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND quận Tân Bình;
- Cục THADS TPHCM;

THẨM PHÁN

- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS

Ngô Văn Dũng